

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2016/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2016

THÔNG TƯ**Ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đào tạo với nước ngoài;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2016. Thông tư này thay thế Thông tư số 01/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Đào tạo với nước ngoài, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tuyển sinh đi học nước ngoài

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tuyển sinh đi học nước ngoài theo các chương trình học bổng ngân sách Nhà nước, học bổng Hiệp định và học bổng khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, bao gồm: đối tượng, điều kiện, nguyên tắc và phương thức tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh và xử lý kết quả tuyển sinh.

2. Quy chế này áp dụng đối với việc tuyển sinh trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, thực tập và bồi dưỡng ở nước ngoài.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh đi học nước ngoài theo các đề án, dự án do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đã có văn bản hướng dẫn triển khai, quy định chi tiết công tác tuyển sinh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị chủ trì tuyển sinh* là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, được giao nhiệm vụ điều hành, phụ trách các công tác liên quan đến tuyển sinh đi học nước ngoài theo các chương trình học bổng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. *Hội đồng tuyển chọn* là hội đồng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của đơn vị chủ trì tuyển sinh để thực hiện việc tuyển chọn ứng viên đi học nước ngoài.

3. *Nhà tài trợ* là Chính phủ nước ngoài, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cung cấp, hỗ trợ tài chính cho công dân Việt Nam đi học tập hoặc bồi dưỡng ở nước ngoài.

4. *Học bổng ngân sách Nhà nước* là học bổng từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước theo các đề án, dự án được Chính phủ phê duyệt.

5. *Học bổng Hiệp định* là học bổng theo Thỏa thuận hợp tác và Hiệp định ký kết giữa Nhà nước và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế.

6. *Học bổng khác* là học bổng do các nhà tài trợ cung cấp, bao gồm cả nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) do các đơn vị, chương trình, dự án thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng.

Chương II **ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, NGUYÊN TẮC** **VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH**

Điều 3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Đối tượng dự tuyển đi học nước ngoài là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.
2. Đảm bảo có đủ sức khỏe để tham gia khóa học ở nước ngoài.
3. Không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
4. Có văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của từng chương trình học bổng tương ứng.
5. Đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của từng chương trình học bổng.
6. Trong độ tuổi theo quy định của từng chương trình học bổng.
7. Nộp đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ và lệ phí tuyển sinh (nếu có) theo quy định tại thông báo tuyển sinh.
8. Đáp ứng các quy định hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức (đối với ứng viên là công chức, viên chức).
9. Đáp ứng các điều kiện cụ thể khác của từng chương trình học bổng.

Điều 4. Ưu tiên trong tuyển sinh

1. Đối tượng ưu tiên
 - a) Ứng viên thuộc các cơ quan, địa phương được ưu tiên về đào tạo nhân lực theo quy định của Chính phủ;
 - b) Ứng viên có thành tích xuất sắc trong học tập và nghiên cứu khoa học;
 - c) Các đối tượng ưu tiên khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và của từng chương trình học bổng cụ thể.
2. Ngành đào tạo ưu tiên
 - a) Các ngành đào tạo phù hợp với định hướng, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực trong từng giai đoạn; các ngành học đặc thù cần ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các chương trình, đề án, dự án quốc gia do Chính phủ phê duyệt;
 - b) Các ngành học Việt Nam chưa có khả năng đào tạo hoặc chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, số lượng cán bộ ngành này ở Việt Nam còn thiếu;
 - c) Các ngành học phía nước ngoài ưu tiên cấp học bổng cho Việt Nam.

Điều 5. Nguyên tắc đăng ký dự tuyển

1. Tại thời điểm Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời triển khai nhiều chương trình học bổng, ứng viên chỉ được đăng ký dự tuyển một chương trình học bổng với trình độ cao hơn trình độ đã có văn bằng. Trường hợp đặc biệt sẽ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

2. Ứng viên dự tuyển trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phải đăng ký dự tuyển ngành học ở nước ngoài phù hợp với nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, địa phương cử đi học; phù hợp với vị trí việc làm, nhu cầu công tác của cơ quan hoặc ngành học đã tốt nghiệp ở trình độ đào tạo trước đó.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

1. Tuyển sinh đi học nước ngoài được thực hiện theo một trong các phương thức: xét tuyển; hoặc kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển.

2. Căn cứ quy định của từng chương trình học bổng, đơn vị chủ trì tuyển sinh thống nhất ý kiến bằng văn bản với các đơn vị liên quan quyết định phương thức tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 7. Tiêu chí tuyển chọn ứng viên

1. Trên cơ sở quy định cụ thể của từng chương trình học bổng, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng tuyển chọn thống nhất với đơn vị chủ trì tuyển sinh và các đơn vị liên quan quy định các tiêu chí tuyển chọn và thứ tự ưu tiên của các tiêu chí.

2. Tiêu chí tuyển chọn bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thành tích, giải thưởng trong học tập, nghiên cứu, công tác (nếu có);
- b) Kết quả học tập của cấp học, trình độ đào tạo đã tốt nghiệp trước đó;
- c) Điểm ngoại ngữ (theo quy định cụ thể của chương trình học bổng);
- d) Đánh giá và thứ tự ưu tiên theo đề nghị của cơ quan giới thiệu dự tuyển (nếu có);
- đ) Thời gian công tác (nếu có);
- e) Kết quả thi tuyển (nếu có);
- g) Các tiêu chí và quy định ưu tiên khác theo quy định của từng chương trình học bổng.

**Chương III
TỔ CHỨC TUYỂN SINH****Điều 8. Thông báo tuyển sinh**

1. Thông báo tuyển sinh đi học nước ngoài được gửi đến các cơ quan, bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tùy theo yêu cầu và tính chất phù hợp của chương trình

học bổng; được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: www.moet.gov.vn và trang thông tin điện tử của đơn vị chủ trì tuyển sinh. Thông báo tuyển sinh được đăng tải trên các trang thông tin điện tử này có giá trị pháp lý như văn bản chính.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm: nước gửi đến đào tạo, trình độ đào tạo, phương thức tuyển sinh, số lượng học bổng, chỉ tiêu học bổng cho từng trình độ, ngành (nếu có), chế độ học bổng, thời gian đào tạo, đối tượng, điều kiện, hồ sơ và thời hạn dự tuyển.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

1. Trên cơ sở quy định cụ thể của từng chương trình học bổng và ý kiến của các đơn vị liên quan, đơn vị chủ trì tuyển sinh quy định hồ sơ dự tuyển phù hợp với từng đối tượng và trình độ tuyển sinh.

2. Ứng viên nộp 01 bộ hồ sơ tương ứng với cấp học hoặc trình độ đào tạo đăng ký dự tuyển theo hình thức nộp trực tiếp trong giờ hành chính hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện đến địa chỉ nhận hồ sơ theo quy định tại thông báo tuyển sinh và nộp hồ sơ trực tuyến (nếu có).

3. Yêu cầu hồ sơ dự tuyển đối với cấp học, trình độ đào tạo được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này.

4. Mẫu phiếu đăng ký dự tuyển quy định tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Hội đồng tuyển chọn

1. Hội đồng tuyển chọn do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập bao gồm các thành phần:

a) Chủ tịch Hội đồng: đại diện lãnh đạo đơn vị chủ trì tuyển sinh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan;

c) Các ủy viên Hội đồng: đại diện lãnh đạo các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng chương trình học bổng, các ủy viên hội đồng có thể bao gồm đại diện nhà tài trợ và các cơ quan, đơn vị khác.

2. Giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn có Tổ thư ký Hội đồng tuyển chọn bao gồm Tổ trưởng Tổ thư ký và các thành viên Tổ thư ký là công chức, viên chức công tác tại đơn vị chủ trì tuyển sinh, các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị khác (nếu có).

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển chọn:

a) Thống nhất nguyên tắc làm việc và các tiêu chí tuyển chọn ứng viên;

b) Tuyển chọn ứng viên đi học nước ngoài, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng tuyển sinh và các tiêu chí tuyển chọn theo quy định của từng chương trình học bổng;

c) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề xuất phương án xử lý khi có vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện tuyển chọn ứng viên đi học nước ngoài;

d) Phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kết quả tuyển chọn ứng viên đi học nước ngoài;

đ) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả tuyển chọn ứng viên.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ thư ký:

a) Phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh lập danh sách trích ngang, phân loại ứng viên theo trình độ đào tạo, nước đăng ký dự tuyển;

b) Phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh kiểm tra, đối chiếu hồ sơ dự tuyển với danh sách trích ngang;

c) Sắp xếp thứ tự ứng viên dự tuyển từ cao xuống thấp theo các tiêu chí tuyển chọn theo từng trình độ đào tạo và nước đăng ký dự tuyển;

d) Trình Hội đồng tuyển chọn xem xét danh sách ứng viên dự tuyển;

đ) Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng tuyển chọn;

e) Ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng tuyển chọn;

g) Thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong quá trình tuyển sinh theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn.

5. Người có bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh chị em ruột đăng ký dự tuyển theo các chương trình học bổng thì không được tham gia Hội đồng tuyển chọn và Tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng.

Điều 11. Nhiệm vụ của đơn vị chủ trì tuyển sinh

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tuyển sinh đi học nước ngoài theo các chương trình, đề án, dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn và Tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thông báo tuyển sinh.

4. Thu hồ sơ dự tuyển và lệ phí dự tuyển (nếu có) theo thời hạn của thông báo tuyển sinh.

5. Bố trí các điều kiện, phương tiện làm việc cần thiết cho các hoạt động của Hội đồng tuyển chọn.

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức và thực hiện công tác tuyển sinh đi học nước ngoài bao gồm việc lập trích ngang, xử lý hồ sơ dự tuyển và tuyển chọn ứng viên quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

7. Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kết quả tuyển chọn.

8. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý kết quả sau tuyển chọn cho ứng viên.

9. Thực hiện lưu trữ hồ sơ và tài liệu tuyển sinh theo quy định hiện hành.

10. Thực hiện các công việc khác liên quan đến công tác tuyển sinh đi học nước ngoài.

Điều 12. Trình tự xử lý hồ sơ dự tuyển và tuyển chọn ứng viên

1. Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ dự tuyển học bổng, Hội đồng tuyển chọn tổ chức họp xét và thống nhất danh sách ứng viên đủ điều kiện trúng tuyển hoặc đạt yêu cầu sơ tuyển (đối với chương trình học bổng có sơ tuyển).

2. Đơn vị chủ trì tuyển sinh thống nhất kết quả tuyển chọn với các bên liên quan (nếu có) trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét phê duyệt.

Điều 13. Thông báo kết quả tuyển chọn

Đơn vị chủ trì tuyển sinh gửi thông báo tới các ứng viên đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tuyển chọn theo một hoặc kết hợp các hình thức sau đây:

1. Đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị chủ trì tuyển sinh.

2. Thông báo qua bưu điện theo đường văn thư.

3. Thông báo qua thư điện tử cá nhân (email) của ứng viên.

4. Thông báo trên hệ thống tuyển sinh của Cục Đào tạo với nước ngoài tại địa chỉ: <https://tuyensinh.vied.vn>.

5. Các hình thức khác theo quy định của chương trình học bổng.

Chương IV XỬ LÝ KẾT QUẢ TUYỂN SINH

Điều 14. Bồi dưỡng ngoại ngữ

1. Ứng viên được tuyển chọn đi học nước ngoài cần chủ động bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ để đáp ứng điều kiện ngoại ngữ của cơ sở giáo dục ở nước ngoài.

2. Ứng viên được tuyển chọn đi học nước ngoài nếu có nguyện vọng tạm dừng học tập hoặc công tác để bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ phải xin phép cơ

sở giáo dục hoặc cơ quan công tác. Sau thời gian học ngoại ngữ ứng viên phải trở về cơ sở giáo dục, cơ quan công tác để tiếp tục học tập, công tác trong khi chờ làm thủ tục đi học nước ngoài.

Điều 15. Liên hệ cơ sở giáo dục nước ngoài tiếp nhận ứng viên

1. Đơn vị chủ trì tuyển sinh cấp xác nhận học bổng cho ứng viên được tuyển chọn đi học nước ngoài để đăng ký nhập học với cơ sở giáo dục nước ngoài (theo quy định của từng chương trình học bổng).

2. Liên hệ cơ sở giáo dục nước ngoài cho ứng viên:

a) Đơn vị chủ trì tuyển sinh phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ liên hệ với các cơ sở giáo dục nước ngoài, xin văn bản tiếp nhận đào tạo cho các ứng viên đã được tuyển chọn;

b) Ứng viên tự liên hệ, xin văn bản tiếp nhận đào tạo chính thức từ cơ sở giáo dục nước ngoài.

Điều 16. Thủ tục cử đi học nước ngoài

1. Hồ sơ cử đi học nước ngoài

Ứng viên đã được tuyển chọn đi học nước ngoài hoàn thiện thủ tục cử đi học sau khi nhận được văn bản tiếp nhận đào tạo chính thức từ cơ sở giáo dục nước ngoài. Ngoài hồ sơ dự tuyển đã nộp, hồ sơ đi học nước ngoài cần bổ sung thêm các loại giấy tờ quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

2. Quy trình xử lý hồ sơ đi học nước ngoài

a) Đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương được tuyển chọn đi học theo học bổng ngân sách Nhà nước, học bổng Hiệp định, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp giấy triệu tập đi học nước ngoài và ra quyết định cử đi học khi có văn bản của cơ quan công tác đồng ý cử ứng viên đi học nước ngoài;

b) Đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương được tuyển chọn đi học theo học bổng khác, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản thông báo kết quả trúng tuyển đến ứng viên và cơ quan công tác của ứng viên để giải quyết thủ tục đi học nước ngoài;

c) Đối với ứng viên chưa có cơ quan công tác, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cử đi học nước ngoài.

3. Thời hạn giải quyết

Thời hạn giải quyết thủ tục cử người đi học ở nước ngoài tối đa là 30 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận kết quả cấp học bổng của phía nước ngoài (nếu có) và nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

Điều 17. Những thay đổi sau khi có kết quả tuyển chọn

1. Ứng viên đã được tuyển chọn đi học nước ngoài nếu có nguyện vọng thay đổi nước đến học hoặc ngành học phải báo cáo với cơ quan giới thiệu dự tuyển và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc thay đổi nước đến học, ngành học chỉ được xem xét khi đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và thực hiện (01) lần trước khi có quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điều kiện được xem xét thay đổi nước đến học hoặc ngành học:

a) Thay đổi nước đến học

- Chương trình học bổng có các lựa chọn về nước đến học;

- Ứng viên đã nộp hồ sơ xin tiếp nhận đào tạo tại ít nhất ba (03) cơ sở giáo dục ở nước đã trúng tuyển cùng với sự hỗ trợ của đơn vị chủ trì tuyển sinh nhưng không được cơ sở nào tiếp nhận;

- Chỉ tiêu tuyển sinh tại nước xin chuyển đến học chưa sử dụng hết;

- Đã được một cơ sở giáo dục có uy tín (có các chương trình học được kiểm định bởi các hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức kiểm định giáo dục có uy tín quốc gia hoặc quốc tế; hoặc chương trình học được cơ quan có thẩm quyền quản lý, cho phép đào tạo và cấp bằng trong trường hợp nước đó chưa thực hiện hoặc ban hành danh sách các chương trình hoặc cơ sở giáo dục được kiểm định chất lượng) ở nước xin chuyển đến đồng ý tiếp nhận;

- Kinh phí đào tạo tại cơ sở giáo dục ở nước xin chuyển đến phải thấp hơn hoặc bằng kinh phí đào tạo tại cơ sở giáo dục ở nước đã trúng tuyển. Trong trường hợp kinh phí đào tạo cao hơn, ứng viên phải tự thu xếp phần kinh phí vượt trội.

b) Thay đổi ngành học: Ngành xin chuyển được xác định là ngành cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

3. Ứng viên có nguyện vọng thay đổi nước đến học hoặc ngành học nộp 01 bộ hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp trong giờ hành chính tại trụ sở làm việc của đơn vị chủ trì tuyển sinh hoặc gửi hồ sơ qua bưu điện, bao gồm các giấy tờ sau:

a) Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này;

b) Văn bản tiếp nhận đào tạo của cơ sở giáo dục nước ngoài (đối với trường hợp xin đổi nước đến học);

c) Minh chứng bằng văn bản về việc không được cơ sở giáo dục ở nước đã trúng tuyển tiếp nhận (đối với trường hợp xin đổi nước đến học);

d) Văn bản ủng hộ và đồng ý cho phép thay đổi nước đến học, ngành học của cơ quan công tác hoặc cơ quan giới thiệu dự tuyển (đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương);

đ) Văn bản đồng ý cho phép thay đổi nước đến học hoặc ngành học của nhà tài trợ (nếu có).

4. Trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của ứng viên, đơn vị chủ trì tuyển sinh sẽ xử lý và thông báo kết quả tới ứng viên bằng cách thức sau:

- a) Thông báo qua bưu điện theo đường văn thư;
- b) Thông báo qua thư điện tử cá nhân (email) của ứng viên;
- c) Các hình thức khác theo quy định của chương trình học bổng.

Điều 18. Ứng viên xin rút không đi học

1. Ứng viên đã được tuyển chọn đi học nước ngoài nhưng không đi học vì lý do cá nhân phải có đơn gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xin rút không đi học. Đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương được cử đi dự tuyển, đơn xin rút không đi học phải được cơ quan công tác xác nhận.

2. Ứng viên đã được tuyển chọn đi học nước ngoài nhưng không đi học vì lý do cá nhân không được đăng ký dự tuyển các chương trình học bổng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý trong thời gian 02 năm kể từ ngày nộp đơn xin rút không đi học.

Điều 19. Xem xét lại kết quả tuyển chọn

1. Trong trường hợp các tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị xem xét lại kết quả tuyển chọn học bổng, đơn vị chủ trì tuyển sinh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, xử lý và có công văn trả lời chính thức trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

2. Việc xem xét lại kết quả tuyển chọn chỉ thực hiện một (01) lần đối với mỗi ứng viên dự tuyển một chương trình học bổng.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Khen thưởng

1. Thủ trưởng đơn vị chủ trì tuyển sinh đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng:

- a) Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển sinh được giao;
- b) Những người có nhiều đóng góp cho công tác tuyển sinh.

2. Kinh phí khen thưởng trích trong lệ phí tuyển sinh.

Điều 21. Xử lý vi phạm đối với ứng viên

1. Ứng viên dự tuyển đi học nước ngoài có hành vi vi phạm quy chế này, căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, áp dụng các hình thức xử lý sau:

a) Không được phép đăng ký dự tuyển đi học nước ngoài theo các chương trình học bổng của Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý trong thời gian tối thiểu 02 năm hoặc vĩnh viễn; hủy kết quả tuyển chọn (áp dụng với người đã được tuyển chọn);

b) Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

2. Ứng viên là công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật theo quy định của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật công chức, viên chức.

3. Căn cứ tính chất và mức độ vi phạm quy chế, lãnh đạo đơn vị chủ trì tuyển sinh quyết định áp dụng hình thức xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

Việc xử lý vi phạm đối với ứng viên phải được thông báo tới ứng viên và cơ quan, địa phương nơi người đó làm việc, cư trú.

Điều 22. Xử lý vi phạm đối với người tham gia công tác tuyển sinh

1. Người tham gia công tác tuyển sinh là công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy chế, nếu có đủ chứng cứ, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật công chức, viên chức.

2. Đối với những người vi phạm quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài là nhân viên hợp đồng, lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động quyết định xử lý theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 23. Trách nhiệm của ứng viên dự tuyển

1. Hoàn thiện hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và trung thực của thông tin cung cấp trong hồ sơ; nộp hồ sơ dự tuyển đầy đủ, đúng hạn và đăng ký dự tuyển theo đúng quy định.

2. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về nghĩa vụ của người dự tuyển học bổng theo quy định của từng chương trình học bổng.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản hoặc cơ quan giới thiệu ứng viên dự tuyển

1. Cử người tham gia dự tuyển bằng văn bản theo đúng đối tượng, đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận trong hồ sơ dự tuyển của ứng viên.

3. Chịu trách nhiệm giải quyết thủ tục cử ứng viên đã được tuyển chọn đi học, tiếp nhận và bố trí công tác cho ứng viên sau khi tốt nghiệp về nước (theo cam kết tuyển dụng khi cử ứng viên đi học).

4. Tạo điều kiện cho ứng viên đã được tuyển chọn đi học nước ngoài tham gia các khóa bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản tổ chức hoặc do ứng viên chủ động đăng ký tham gia.

5. Tiếp nhận ứng viên về tiếp tục học tập, công tác đối với ứng viên đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tuyển chọn nhưng ứng viên xin rút không đi học (có lý do chính đáng).

Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Cục Đào tạo với nước ngoài:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc ra thông báo tuyển sinh, tổ chức thực hiện tuyển sinh đi học nước ngoài và xử lý kết quả sau tuyển chọn đối với các dự án, đề án, chương trình học bổng theo phân công nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Quy chế này và các văn bản liên quan;

b) Phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh khác thực hiện tuyển sinh đi học nước ngoài đối với các dự án, đề án, chương trình học bổng do đơn vị khác chủ trì tuyển sinh theo phân công nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm và dự toán ngân sách để thực hiện các chương trình học bổng ngân sách nhà nước, Hiệp định và học bổng khác;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thống kê, báo cáo số liệu tuyển sinh đi học nước ngoài theo các chương trình học bổng.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính cân đối chỉ tiêu tuyển sinh, kế hoạch tài chính trong việc tuyển sinh đi học nước ngoài có sử dụng ngân sách Nhà nước.

3. Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh xác minh chất lượng, uy tín của cơ sở giáo dục nước ngoài tiếp nhận người học.

4. Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh xác minh, công nhận văn bằng đã tốt nghiệp ở nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho ứng viên.

5. Các Cục, Vụ và đơn vị khác phối hợp với đơn vị chủ trì tuyển sinh xử lý các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh đi học nước ngoài theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 01/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2013 sẽ áp dụng quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư này kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Các đề án, dự án tuyển sinh đi học nước ngoài được xây dựng và triển khai sau ngày thông tư này có hiệu lực, nếu xây dựng văn bản quy định chi tiết công tác tuyển sinh theo đặc thù của đề án, dự án, phải đảm bảo các điều kiện, nguyên tắc chung về tổ chức tuyển sinh quy định tại Quy chế này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

Phụ lục I
DANH MỤC HỒ SƠ DỰ TUYỂN
ĐỐI VỚI TỪNG CẤP HỌC, TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài ban hành kèm theo
Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Danh mục hồ sơ	Cấp học, trình độ dự tuyển					
		TH PT	TC	ĐH, CĐ	ThS	TS	TT, BD
1	Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu tại Phụ lục III)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
2	Công văn của cơ quan cử dự tuyển (đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương)				✓	✓	✓
3	Bản sao hợp lệ các hợp đồng làm việc, quyết định tuyển dụng, chuyển công tác, sổ bảo hiểm xã hội (BHXH) (đối với người lao động hợp đồng). Trường hợp chưa có sổ BHXH thì thay bằng bảng lương gần nhất thể hiện có đóng BHXH; bảng kê quá trình đóng BHXH hoặc giấy chứng nhận về việc đóng BHXH có xác nhận của cơ quan công tác và cơ quan bảo hiểm xã hội				✓	✓	✓
4	Cam kết tuyển dụng bằng văn bản của cơ quan nhà nước sau khi tốt nghiệp (đối với ứng viên chưa có cơ quan công tác nếu được quy định cụ thể tại thông báo tuyển sinh của chương trình học bổng)				✓	✓	✓
5	Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu phổ thông	✓	✓	✓	✓	✓	✓
6	Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của cơ quan công tác (đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương)				✓	✓	✓

STT	Danh mục hồ sơ	Cấp học, trình độ dự tuyển					
		TH PT	TC	ĐH, CĐ	ThS	TS	TT, BD
	Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã hoặc của trường đang theo học (đối với ứng viên chưa có cơ quan công tác)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
7	Bản sao hợp lệ văn bằng, học bạ, bảng điểm học tập theo thông báo tuyển sinh của từng chương trình học bổng	✓	✓	✓	✓	✓	✓
8	Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận được tuyển thẳng, giấy chứng nhận kết quả thi, giấy triệu tập trúng tuyển trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học (đối với ứng viên dự tuyển đi học trung cấp, cao đẳng, đại học)		✓	✓			
9	Bản sao hợp lệ kết quả học tập có xác nhận của cơ sở giáo dục đang học đối với ứng viên tại thời điểm đăng ký dự tuyển trình độ đại học, cao đẳng đã học từ 01 học kỳ trở lên			✓			
10	Giấy công nhận văn bằng (đối với ứng viên đã tốt nghiệp ở nước ngoài nay dự tuyển đi học trình độ cao hơn)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
11	Bản sao hợp lệ chứng chỉ ngoại ngữ theo thông báo tuyển sinh của từng chương trình học bổng	✓	✓	✓	✓	✓	✓
12	Bản sao hợp lệ bằng khen, giấy khen, văn bản hoặc giấy tờ chứng nhận các giải thưởng quốc tế, quốc gia hoặc tỉnh, thành phố và các công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố, đạt giải thưởng,... (nếu có)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
13	Bản sao văn bản tiếp nhận đào tạo, cấp học bổng toàn phần hoặc một phần của cơ sở giáo dục nước ngoài và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cấp (nếu có)	✓	✓	✓	✓	✓	✓

STT	Danh mục hồ sơ	Cấp học, trình độ dự tuyển					
		TH PT	TC	ĐH, CĐ	ThS	TS	TT, BD
14	Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền xác nhận đủ (không đủ) điều kiện đi học nước ngoài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
15	Bản sao hợp lệ các giấy tờ thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) (giấy khai sinh đối với ứng viên là người dân tộc thiểu số, hộ khẩu thường trú đối với ứng viên thuộc đối tượng ưu tiên theo khu vực, giấy chứng nhận con liệt sĩ hoặc thẻ thương binh của bố mẹ đẻ)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
16	Đề cương nghiên cứu đã được Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo của trường cử dự tuyển phê duyệt và xác nhận về khả năng chuyên môn của ứng viên					✓	
17	Danh mục các công trình khoa học đã công bố, đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia có xác nhận của cơ quan công tác					✓	
18	Bản sao hóa đơn, chứng từ về việc nộp lệ phí dự tuyển (đối với chương trình học bổng quy định nộp lệ phí dự tuyển)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
19	Các giấy tờ khác theo quy định cụ thể của chương trình học bổng						

Ghi chú:

THPT: Trung học phổ thông

TC: Trung cấp

ĐH, CĐ: Đại học, cao đẳng

ThS: Thạc sĩ

TS: Tiến sĩ

TT, BD: Thực tập, bồi dưỡng.

Phụ lục II
DANH MỤC HỒ SƠ CỬ ĐI HỌC

*(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài ban hành kèm theo
Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Danh mục hồ sơ	Số lượng bản sao, bản dịch
1	<p>- Bản dịch hợp lệ văn bản thông báo tiếp nhận chính thức của cơ sở giáo dục nước ngoài trong đó có đầy đủ thông tin về bậc học, ngành học, thời gian học, thời điểm nhập học, mức học phí, bảo hiểm y tế và các loại phí bắt buộc khác liên quan đến khóa học; thông báo về học bổng hoặc hỗ trợ tài chính của cơ sở giáo dục hoặc cơ quan/tổ chức/chính phủ nước ngoài đã cấp (nếu có);</p> <p>- Văn bản của phía nước ngoài đồng ý tiếp nhận đi học diện Hiệp định (đối với ứng viên trúng tuyển học bổng Hiệp định)</p>	02
2	Bản sao hợp lệ chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh, Pháp hoặc ngoại ngữ khác đạt yêu cầu về điểm (hoặc trình độ) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ sở giáo dục nước ngoài	01
3	Giấy khám sức khỏe (có thời hạn sử dụng 06 tháng kể từ ngày cấp) của cơ sở y tế có thẩm quyền xác nhận đủ điều kiện về sức khỏe để đi học nước ngoài kèm theo các bản xét nghiệm không nhiễm HIV, viêm gan B, lao hoặc các bệnh truyền nhiễm khác (theo yêu cầu của nước sẽ đến học hoặc nhà tài trợ); kết quả xét nghiệm không có thai (đối với ứng viên nữ)	01
4	Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ của lưu học sinh (theo mẫu tại Phụ lục III)	01
5	Bản cam kết tự thu xếp kinh phí (đối với trường hợp học phí vượt quá mức quy định) và toàn bộ chi phí khóa học bổ sung trước khi vào chương trình học chính thức (theo yêu cầu của cơ sở giáo dục nước ngoài) có chữ ký của người nhận bảo lãnh về tài chính (theo mẫu tại Phụ lục III)	01
6	Bản sao hợp lệ các quyết định/hợp đồng tuyển dụng làm việc có thay đổi so với các văn bản đã nộp khi dự tuyển (đối với ứng viên đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương)	01

STT	Danh mục hồ sơ	Số lượng bản sao, bản dịch
7	Bản sao hợp lệ sổ bảo hiểm xã hội (đối với người lao động hợp đồng), trường hợp chưa có sổ bảo hiểm xã hội thì thay bằng bảng kê quá trình đóng bảo hiểm xã hội hoặc giấy chứng nhận về việc đóng bảo hiểm xã hội có xác nhận của cơ quan công tác và cơ quan bảo hiểm xã hội	01
8	Bản cam kết về ngoại ngữ trong trường hợp đi học tại nước ngoài nhưng chưa đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định của chương trình học bổng để sử dụng trong khóa học tại nước ngoài	01
9	Các giấy tờ khác theo quy định của từng chương trình học bổng (nếu có)	01

Phụ lục III
CÁC MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ, BẢN CAM KẾT, ĐƠN
*(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài ban hành kèm theo
 Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016
 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Mẫu số 01:	Phiếu đăng ký dự tuyển đi học thạc sĩ/tiến sĩ/thực tập, bồi dưỡng ở nước ngoài
Mẫu số 02:	Phiếu đăng ký dự tuyển đi học đại học, cao đẳng ở nước ngoài
Mẫu số 03:	Phiếu đăng ký dự tuyển đi học trung học phổ thông/trung cấp ở nước ngoài
Mẫu số 04:	Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ của Lưu học sinh
Mẫu số 05:	Bản cam kết tự thu xếp kinh phí
Mẫu số 06:	Bản cam kết về ngoại ngữ
Mẫu số 07:	Đơn xin thay đổi nước/ngành học
Mẫu số 08:	Bảng so sánh kinh phí đào tạo

MẪU SỐ 01
PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐI HỌC
THẠC SĨ/TIẾN SĨ/THỰC TẬP, BỒI DƯỠNG Ở NƯỚC NGOÀI

Học bổng dự tuyển: Học bổng NSNN Học bổng Hiệp định Học bổng khác
(Lưu ý chỉ đăng ký một loại)

Thông báo dự tuyển:...../TB-BGDĐT ngày...../...../.....

Trình độ dự tuyển (ThS, TS, TT, BD):.....

Nước dự tuyển (chỉ đăng ký 1 nước):.....

Ngành học dự tuyển:.....

Ngoại ngữ sử dụng học ở nước ngoài:.....

1. Họ và tên:..... Giới tính: Nam Nữ.

2. Ngày, tháng, năm sinh:.....

3. Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

4. Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

5. Chức vụ và cơ quan đang công tác:.....

Thuộc Bộ, Ngành, Tỉnh:.....

6. Địa chỉ gửi thư:.....

Điện thoại: Cơ quan:..... Nhà riêng:.....

Di động:..... E-mail:.....

7. Trình độ ngoại ngữ: Có chứng chỉ Chưa có chứng chỉ

Tiếng Anh:..... IELTS..... TOEFL Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tiếng Pháp..... TCF..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tiếng..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

8. Trình độ học vấn (cao nhất): Đại học Thạc sĩ Tiến sĩ

9. Quá trình đào tạo:

9.1. Đại học:

Loại học bổng¹:.....

Thời gian đào tạo:..... năm. Từ..... đến.....

Trường:.....

Nước:.....

Hệ đào tạo: Chính quy Tại chức Khác (ghi rõ):.....

Đào tạo phối hợp:

Cơ sở giáo dục trong nước: Thời gian: từ..... đến.....

Cơ sở giáo dục nước ngoài: Thời gian: từ..... đến.....

Ngành đào tạo:.....

Điểm trung bình học tập toàn khóa:.....

Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp (nếu có):.....

Loại tốt nghiệp (nếu có):.....

(Nếu không phải là thang điểm 10 thì cần ghi rõ điểm học tập/thang điểm của nơi học và tính quy đổi tương đương sang thang điểm 10, kèm theo bản sao thông tin chính thức về thang điểm, xếp loại của nơi học).

9.2. Thạc sĩ:

Loại học bổng¹:.....

Thời gian đào tạo:..... năm. Từ..... đến.....

Trường:.....

Nước:.....

Hệ đào tạo: Chính quy Tại chức Khác (ghi rõ):.....

Đào tạo phối hợp:

Cơ sở giáo dục trong nước: Thời gian: từ..... đến.....

Cơ sở giáo dục nước ngoài: Thời gian: từ..... đến.....

Ngành đào tạo:.....

Điểm trung bình học tập toàn khóa:.....

Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp (nếu có):.....

Loại tốt nghiệp (nếu có):.....

(Nếu không phải là thang điểm 10 thì cần ghi rõ điểm học tập/thang điểm của nơi học và tính quy đổi tương đương sang thang điểm 10, kèm theo bản sao thông tin chính thức về thang điểm, xếp loại của nơi học).

9.3. Tiến sĩ:

Loại học bổng¹:.....

Thời gian đào tạo:..... năm. Từ..... đến.....

Trường:.....

Nước:.....

Hệ đào tạo: Chính quy Tại chức Khác (ghi rõ):

Đào tạo phối hợp:

Cơ sở giáo dục trong nước: Thời gian: từ..... đến.....

Cơ sở giáo dục nước ngoài: Thời gian: từ..... đến.....

Ngành đào tạo:.....

10. Nhận xét, đánh giá phẩm chất đạo đức, lối sống (do Thủ trưởng cơ quan công tác, cơ quan giới thiệu dự tuyển ghi):

.....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
CỬ DỰ TUYỂN (NẾU CÓ)**

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Thủ trưởng đơn vị ký,
ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đăng ký dự tuyển

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Ghi rõ loại học bổng, cụ thể như sau (chỉ cần điền số ghi dưới đây):

(1) Học bổng do ngân sách Nhà nước Việt Nam cấp (Bộ Giáo dục và Đào tạo cử đi học);

(2) Học bổng theo các đề án đào tạo phối hợp được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp kinh phí;

(3) Học bổng diện Hiệp định (Bộ Giáo dục và Đào tạo cử đi học);

(4) Học bổng do cơ sở giáo dục nước ngoài/cơ quan, tổ chức quốc tế cấp (ghi rõ tên nơi cấp học bổng);

(5) Nguồn tài trợ khác hoặc tự túc kinh phí.

MẪU SỐ 02
PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐI HỌC
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG Ở NƯỚC NGOÀI

Học bổng dự tuyển: Học bổng NSNN Học bổng Hiệp định Học bổng khác
(Lưu ý chỉ đăng ký một loại)

Thông báo dự tuyển:...../TB-BGDĐT ngày...../...../.....

Nước dự tuyển (chỉ đăng ký 01 nước):.....

Ngành học dự tuyển:.....

Ngoại ngữ sử dụng học ở nước ngoài:.....

1. Họ và tên..... Giới tính: Nam Nữ.

2. Ngày, tháng, năm sinh:.....

3. Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

4. Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

5. Địa chỉ gửi thư:.....

Điện thoại liên hệ: Cố định:..... Di động:.....

E-mail:.....

6. Trình độ học vấn (cao nhất): Trung học Phổ thông Cao đẳng Đại học

7. Quá trình học tập:

7.1 Trung học phổ thông:

Trường:.....

Điểm trung bình học tập: Lớp 10..... Lớp 11..... Lớp 12.....

Điểm tốt nghiệp THPT:.....

Xếp loại tốt nghiệp:.....

7.2. Đại học/Cao đẳng:

Thời gian đào tạo:..... năm. Từ..... đến.....

Trường:.....

Nước:.....

Hệ đào tạo: Chính quy Tại chức Khác (ghi rõ):.....

Ngành đào tạo:.....

Điểm trung bình học tập các kỳ học:

8. Trình độ ngoại ngữ: Có chứng chỉ Chưa có chứng chỉ

Tiếng Anh: IELTS TOEFL Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tiếng Pháp TCF..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tiếng.....: Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
CỬ DỰ TUYỂN (NẾU CÓ)

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Thủ trưởng đơn vị ký,
ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đăng ký dự tuyển

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 03
PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐI HỌC
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG/TRUNG CẤP Ở NƯỚC NGOÀI

Học bổng dự tuyển: Học bổng NSNN Học bổng Hiệp định Học bổng khác
(Lưu ý chỉ đăng ký một loại)

Thông báo dự tuyển:...../TB-BGDĐT ngày...../...../.....

Nước dự tuyển (chỉ đăng ký 01 nước):.....

Ngành học dự tuyển:.....

Ngoại ngữ sử dụng học ở nước ngoài:.....

1. Họ và tên..... Giới tính: Nam Nữ.

2. Ngày, tháng, năm sinh:.....

3. Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

4. Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

5. Địa chỉ gửi thư:.....

Điện thoại liên hệ: Cố định:..... Di động:.....

E-mail:.....

6. Trình độ học vấn (cao nhất): Trung học cơ sở Trung học phổ thông
 Khác:.....

7. Quá trình học tập:.....

7.1. Trung học cơ sở/Trung học phổ thông hoặc tương đương:

Trường:.....

Điểm trung bình học tập các năm:.....

Điểm tốt nghiệp THCS/THPT:.....

Xếp loại tốt nghiệp:.....

7.2. Trung cấp/Cao đẳng:

Thời gian đào tạo:..... năm. Từ..... đến.....

Trường:.....

Nước:.....

Hệ đào tạo: Chính quy Tại chức Khác (ghi rõ):.....

Ngành đào tạo:.....

Điểm trung bình học tập các kỳ học:

8. Trình độ ngoại ngữ: Có chứng chỉ Chưa có chứng chỉ

Tiếng Anh:..... IELTS..... TOEFL Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tiếng Pháp..... TCF..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Tiếng.....:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT/CƠ QUAN CỬ
DỰ TUYỂN (NẾU CÓ)

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Chữ ký người đại diện theo pháp luật, ghi rõ họ tên và quan hệ với ứng viên/hoặc Thủ trưởng đơn vị ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đăng ký dự tuyển
(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 04
BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA LƯU HỌC SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA LƯU HỌC SINH
(dành cho người chưa có cơ quan công tác)

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tên tôi là:..... Sinh ngày.....
Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Hiện nay là:.....

Khi được Nhà nước cử đi học tại nước ngoài, tôi tự nguyện cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau:

1. Chấp hành nghiêm túc Quy chế quản lý lưu học sinh ở nước ngoài, quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chấp nhận các quy định hiện hành của Nhà nước về tài chính.
2. Phần đầu học tập, nghiên cứu để hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn.
3. Không xin chuyển trường, chuyển nước hoặc thay đổi khóa học, chương trình học. Cam kết tích cực học tập, nghiên cứu để hoàn thành tốt chương trình đào tạo đúng thời hạn được phép.
4. Nếu bị buộc thôi học sẽ bồi hoàn kinh phí theo qui định của Nhà nước. Nếu phải gia hạn thời gian học tập sẽ tự túc kinh phí trong thời gian gia hạn.
5. Sau khi kết thúc khóa học về nước, thực hiện thủ tục báo cáo tốt nghiệp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo và làm việc lâu dài theo sự điều động của Nhà nước.
6. Cam kết nếu trúng tuyển học bổng của..... cấp sẽ đi học theo đúng kế hoạch do..... yêu cầu.

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ những điều nêu trên và các quy định hiện hành khác có liên quan. Nếu không thực hiện đúng bản cam kết này, tôi xin bồi hoàn toàn bộ chi phí đào tạo và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xử lý kỷ luật theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người cam kết
(Ký và ghi rõ họ tên)

CAM KẾT CỦA GIA ĐÌNH

Họ và tên bố (mẹ):.....

Công tác tại:.....

Địa chỉ:.....

đại diện cho gia đình lưu học sinh có tên trên, chúng tôi cam kết:

- Nhắc nhở, động viên lưu học sinh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã được quy định đối với lưu học sinh.
- Cùng lưu học sinh bồi hoàn kinh phí đã được Nhà nước cấp nếu lưu học sinh không thực hiện đúng cam kết.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Bố (mẹ)

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA LƯU HỌC SINH
(dành cho người đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương)

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tên tôi là:..... Sinh ngày.....
Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Hiện nay là:.....

Khi được Nhà nước cử đi học tại nước ngoài, tôi tự nguyện cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau:

1. Chấp hành nghiêm túc Quy chế quản lý lưu học sinh ở nước ngoài, quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chấp nhận các quy định hiện hành của Nhà nước về tài chính.
2. Không xin chuyển trường, chuyên nước hoặc thay đổi khóa học, chương trình học. Cam kết tích cực học tập, nghiên cứu để hoàn thành tốt chương trình đào tạo đúng thời hạn được phép.
3. Nếu bị buộc thôi học sẽ bồi hoàn kinh phí theo quy định của Nhà nước. Nếu phải gia hạn thời gian học tập sẽ tự túc kinh phí trong thời gian gia hạn.
4. Sau khi kết thúc khóa học về nước và thực hiện thủ tục báo cáo tốt nghiệp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5. Cam kết làm việc lâu dài cho cơ quan đã cử tôi đi học hoặc theo sự điều động của Nhà nước.
6. Tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian đi học ở nước ngoài.
7. Cam kết nếu trúng tuyển học bổng của..... cấp sẽ đi học theo đúng kế hoạch do..... yêu cầu.

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ những điều nêu trên và các quy định hiện hành khác có liên quan. Nếu không thực hiện đúng bản cam kết này, tôi xin bồi hoàn toàn bộ chi phí đào tạo và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xử lý kỷ luật theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người cam kết
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận bảo lãnh của cơ quan tuyển chọn và giới thiệu người dự tuyển:

..... xác nhận bảo lãnh ông/bà.....,

hiện đang là (biên chế/hợp đồng)..... của.....

Chúng tôi cam kết thực hiện trách nhiệm:

1. Tiếp nhận lại và bố trí công tác phù hợp với chuyên môn và trình độ đào tạo sau khi tốt nghiệp ở nước ngoài về.
2. Giúp đỡ, tạo điều kiện để ông/bà có tên trên được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian đi đào tạo ở nước ngoài.
3. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc yêu cầu ông/bà có tên trên thực hiện đúng những cam kết nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng/Giám đốc/Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MẪU SỐ 05
BẢN CAM KẾT TỰ THU XẾP KINH PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT TỰ THU XẾP KINH PHÍ

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tên tôi là:..... Sinh ngày.....
Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Cơ quan công tác:.....
Tôi là ứng viên trúng tuyển đi học tại nước ngoài bằng NSNN năm....., tại nước..... (Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm.....)
Tên cơ sở giáo dục đến học:....., khoa:.....
Trình độ đào tạo:....., chuyên ngành:.....
Tổng thời gian đào tạo:....., ngày nhập học:.....
Các chi phí phải nộp cho cơ sở giáo dục trong 01 năm:
Học phí:.....
Chi phí khác (nếu có):.....
Khóa học bổ sung trước khi vào học chương trình chính thức (nếu có thì ghi rõ tên khóa học, thời gian bắt đầu khóa học):.....
.....

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, lưu học sinh đi học tại nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước thì học phí được cấp ở mức tối đa là
Học phí của tôi vượt quá mức này nên tôi cam kết sẽ tự túc phần học phí vượt trội so với quy định.

Tôi cũng cam kết tự thu xếp toàn bộ chi phí khóa học bổ sung (nếu có) trước khi vào học chương trình chính thức.

Tôi sẽ thực hiện đúng các cam kết nêu trên. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, cử tôi đi học tại nước ngoài.

Người bảo lãnh về tài chính
(Ký và ghi rõ họ tên, quan hệ với LHS)

....., ngày tháng..... năm.....
Người cam kết
(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 06
BẢN CAM KẾT VỀ NGOẠI NGỮ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT VỀ NGOẠI NGỮ

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tên tôi là:..... Sinh ngày:.....
 Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
 Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
 Cơ quan công tác:.....
 Thuộc Bộ, Ngành:.....
 Tôi là ứng viên được tuyển chọn đi học tại nước ngoài bằng học bổng.....
 năm....., tại nước:..... theo QĐ số...../QĐ-BGDĐT ngày...../...../
 Tên cơ sở giáo dục nước ngoài tiếp nhận:..... Khoa:.....
 Trình độ đào tạo:..... Ngành học:.....
 Tổng thời gian đào tạo:....., kể từ...../...../..... đến...../...../
 Dự kiến ngày nhập học:.....

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, lưu học sinh đi học tại nước ngoài bằng học bổng..... (NSNN/Hiệp định/.....) phải đạt trình độ..... về ngoại ngữ sẽ sử dụng trong khóa học ở nước ngoài. Hiện nay, tôi mới có chứng chỉ ngoại ngữ..... điểm. Tuy nhiên tôi đã nhận được thư mời học của Trường.....) đi học vào tháng..... năm 20..... Trường..... đã chấp nhận trình độ ngoại ngữ của tôi hiện nay và không yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ điểm cao hơn (xin xem văn bản xác nhận kèm theo). Do chưa có điều kiện để thi lấy chứng chỉ ngoại ngữ đạt điểm quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tôi làm đơn này kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo giải quyết thủ tục đi học cho tôi theo đúng dự kiến thời gian khóa học nêu trên. Tôi cam kết với khả năng và trình độ ngoại ngữ hiện có tôi sẽ hoàn thành khóa học theo đúng quy định về nghĩa vụ của lưu học sinh được cấp học bổng..... (NSNN/Hiệp định/....). Nếu không hoàn thành khóa học vì lý do ngoại ngữ, tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí cho Nhà nước.

Trân trọng./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của cơ quan cử đi học

Người cam kết
 (Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 07
ĐƠN XIN THAY ĐỔI NƯỚC/NGÀNH HỌC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN THAY ĐỔI NƯỚC/NGÀNH HỌC

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tên tôi là:..... Sinh ngày.....
 Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
 Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
 Cơ quan chủ quản:.....
 Đã được tuyển chọn đi học nước ngoài theo Quyết định số..... ngày.....
 tháng..... năm..... của.....
 Trình độ đào tạo:.....
 Nước trúng tuyển:.....
 Ngành đào tạo trúng tuyển:.....
 Nội dung xin thay đổi nước/ngành học:.....
 Lý do xin thay đổi nước/ngành học:.....

Hồ sơ đính kèm đơn xin thay đổi nước/ngành học:

- Văn bản ủng hộ và đồng ý cho phép thay đổi nước/ngành học của cơ quan công tác hoặc cơ quan cử đi học (đối với ứng viên đã có cơ quan công tác)
- Văn bản tiếp nhận đào tạo của cơ sở giáo dục nước ngoài
- Bảng so sánh kinh phí đào tạo của nước trúng tuyển và nước xin chuyển đến (đối với trường hợp xin thay đổi nước đến học)
- Các giấy tờ khác theo yêu cầu của chương trình học bổng:.....

Tôi cam kết tự túc mọi chi phí phát sinh từ việc xin thay đổi nước/ngành học vượt mức đã quy định đối với việc đi học theo Quyết định trúng tuyển ban đầu.

Trân trọng đề nghị Quý cơ quan xem xét, cho tôi được thay đổi nước/ngành học.

Địa chỉ liên lạc của tôi:.....

E-mail:.....

Điện thoại nhà riêng:..... Điện thoại di động:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người làm đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 08
BẢNG SO SÁNH KINH PHÍ ĐÀO TẠO
(trong trường hợp xin thay đổi nước)

1. Họ và tên:.....
 2. Trình độ đào tạo trúng tuyển:.....
 3. Ngành đào tạo trúng tuyển:.....
 4. Nước đến học (theo Quyết định trúng tuyển):.....
 5. Nước xin chuyển đến:.....

TT	Nội dung kinh phí đào tạo	Số tiền (USD) tại ²	Số tiền (USD) tại ³
1	Học phí (theo thư mời học hoặc theo quy định hiện hành) ¹		
2	Sinh hoạt phí		
3	Bảo hiểm y tế (nếu có)		
4	Các phí khác (nếu có)		
5	Một lượt vé máy bay khứ hồi (ước tính)		
6	Tổng kinh phí đào tạo trong 1 năm học (6) = (1) + (2) + (3) + (4)		
7	Thời gian đào tạo <i>(ví dụ: 3 năm)</i>		
8	Tổng kinh phí đào tạo toàn thời gian học (8) = (6) x (7) + (5)		

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Trong trường hợp học phí tính bằng ngoại tệ khác USD thì quy đổi theo tỉ giá trong ngày theo tỉ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

² Ghi tên nước đã trúng tuyển

³ Ghi tên nước xin chuyển đến